

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/DS-ST

Ngày: 19-3-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Ông Trần Hữu Chí

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 613/2024/TLST - DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32A/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997

Nơi ĐKTT: Số B, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ liên hệ: Số G, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy T1, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Số D, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trần Tấn L, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Tô Thị Cẩm T2, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi ĐKTT: Số C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: Số B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T1 trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thanh T - Chủ Hộ kinh doanh Cửa hàng T4 (sau đây gọi tắt là Minh L1) và ông Trần Tấn L, bà Tô Thị Cẩm T3 thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm, theo đó Minh L1 bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 nuôi tôm, đến cuối vụ ông L, bà T2 phải thanh toán dứt điểm công nợ cho Minh L1. Trong quá trình giao dịch, ông L, bà T2 không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho Minh L1. Theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 14/8/2024 ông L, bà T2 còn nợ Minh L1 số tiền là 43.693.000 đồng (bốn mươi ba triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng). Mặc dù Minh L1 đã liên hệ nhiều lần yêu cầu ông L và bà T2 thanh toán nhưng ông L, bà T2 hứa hẹn không chịu thanh toán công nợ.

Nay bà Nguyễn Thị Thanh T - Chủ Hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y thủy sản T4 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T - Chủ Hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y thủy sản T4 tổng số tiền 44.781.000 đồng (bốn mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 43.693.000 đồng, nợ lãi tạm tính từ ngày 14/8/2024 đến ngày 14/11/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng là 1.088.000 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi suất phát sinh từ ngày 15/11/2024 đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0.83%/tháng.

** Bị đơn ông Trần Tấn L, bà Tô Thị Cẩm T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có bản khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440 Bộ luật Dân sự, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 44.781.000 đồng (bốn mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 43.693.000 đồng, nợ lãi tạm tính từ ngày 14/8/2024 đến ngày 14/11/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng là 1.088.000 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi suất phát sinh từ ngày 15/11/2024 đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0.83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, bị đơn ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng có mặt không rõ lý do. Tòa án xử xét xử vắng mặt các đương là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy khi khởi kiện nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án “*Bản sao văn bản thỏa thuận ngày 31/10/2024; Thông báo về việc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh; Hợp đồng mua bán đề ngày 01/6/2022; Bảng đối chiếu xác nhận công nợ đề ngày 14/8/2024*”(BL 64-67). Xét việc thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm giữa các bên được lập thành văn bản được hai bên ký xác nhận trên cơ sở tự nguyện đúng quy định của pháp luật nên được xem là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, theo đó bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng hóa cho bên bán theo thỏa thuận.

[3] Tại công văn số 123/CV-CAX về việc trả lời xác minh nơi cư trú đối với ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 ngày 23/12/2024 của Công an xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (BL 47) thể hiện ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 có đăng ký thường trú tại địa phương. Ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và tổng đạt các tài liệu chứng cứ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản gửi Tòa án, không có yêu cầu phản tố, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét thấy, ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 mua thức ăn nuôi tôm là để phục vụ kinh tế gia đình. Tại trích lục kết hôn số 04/TLKH-BS ngày 06/01/2025 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (BL 50) thể hiện ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2018 là hôn nhân hợp pháp. Hiện tại ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 vẫn còn vợ chồng nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, khi vợ chồng tiến hành giao dịch nhằm phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần áp dụng khoản 2 Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình buộc ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T - Chủ Hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y thủy sản T4 nợ gốc là 43.693.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 14/8/2024 đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0.83%/tháng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi suất chậm trả của nguyên đơn. Xét thấy, tại “Bảng đối chiếu xác nhận công nợ” ngày 14/8/2024 ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 thừa nhận còn nợ 43.693.000 đồng và hai bên chốt nợ thỏa thuận nếu nghĩa vụ thanh toán kéo dài quá 30 ngày kể từ ngày ký biên bản đối chiếu công nợ thì phải chịu lãi suất quá hạn 20%/năm (BL 67-68), nên nguyên đơn yêu cầu ông L, bà T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả lãi suất chậm trả của số tiền 43.693.000 đồng tính từ ngày làm 14/8/2024 đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 19/3/2025) tính tròn là 07 tháng, 05 ngày với mức lãi suất 0,83%.tháng với số tiền lãi (43.693.000 đồng x 0,83% x 07 tháng 04 ngày) tính tròn là 2.599.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Do ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên buộc ông L, bà T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T tổng số tiền 46.292.000 đồng (bốn mươi sáu triệu hai trăm chín mươi hai ngàn đồng) [trong đó 43.693.000 đồng tiền gốc và 2.599.000 đồng tiền lãi] là đúng quy định của pháp luật.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T được chấp nhận nên ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 91, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 432, 433, 434, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T (Chủ Hộ kinh doanh Cửa hàng T4) số tiền 46.292.000 đồng (bốn mươi sáu triệu hai trăm chín mươi hai ngàn đồng) [trong đó 43.693.000 đồng tiền gốc và 2.599.000 đồng tiền lãi]

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Trần Tấn L và bà Tô Thị Cẩm T2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu 2.314.600 đồng (hai triệu ba trăm mười bốn ngàn sáu trăm đồng)

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 1.120.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi ngàn đồng) cho bà Nguyễn Thị Thanh T (do Lê Thị Phương L2 nộp thay) theo biên lai thu số 0008557 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương